TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 654/2026/DS-PT
Ngày: 13-5-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thanh

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Quốc Tuấn

Bà Lê Thị Bích Tuyền

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2026/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2026/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2026/QĐ-PT ngày 17/3/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lý Ngọc L, sinh năm: 1965. Địa chỉ: Ấp P, xã P, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lý Ngọc L là ông Huỳnh Quốc H, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã P, tỉnh Tây Ninh theo giấy ủy quyền ngày 25/9/2024, có mặt.

Bị đơn: Ông Bùi Quốc A, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Ấp N, xã T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Bùi Quốc A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau:

Khoảng năm 2022, ông Lý Ngọc L cho ông A vay số tiền 150.000.000 đồng, ông L giao tiền một lần trực tiếp cho ông A tại nhà ông A. Tại thời điểm giao tiền ông L và ông A thỏa thuận lãi suất cho vay là 2%/tháng, thời gian vay không xác định, ông A có trả lãi cho ông L nhưng không xác định thời gian trả, lãi suất bao nhiêu, trả lãi không đủ tháng theo thỏa thuận, khi trả lãi không ghi giấy tờ, còn tiền gốc ông A không trả.

Do ông A không có khả năng trả lãi tiếp nên ngày 09 tháng 10 năm 2023, ông Bùi Quốc A tự làm văn bản viết tay có tiêu đề "Giấy mượn nợ" đưa cho ông L giữ bản chính. Nội dung ông A xác nhận có vay của ông L số tiền 150.000.000 đồng. Ông A cam kết sẽ trả đủ số tiền cho ông L nhưng không ghi thời hạn, không ghi lãi suất. Ông A không tiếp tục trả lãi, không trả gốc cho ông L từ ngày 09 tháng 10 năm 2023 cho đến nay.

Do ông Bùi Quốc A vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ông Lý Ngọc L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Bùi Quốc A phải trả cho ông Lý Ngọc L số tiền gốc là 150.000.000 đồng. Tiền lãi trên số tiền gốc là 150.000.000 đồng tính từ ngày 09 tháng 10 năm 2023 đến ngày 07 tháng 01 năm 2026 (ngày xét xử sơ thẩm) với lãi suất 1,66%/tháng. Đồng thời, yêu cầu ông Bùi Quốc A tiếp tục trả lãi suất theo quy định của pháp luật sau khi xét xử sơ thẩm.

Ông Bùi Quốc A trình bày:

Ngày 19 tháng 4 năm 2021 âm lịch (tương ứng ngày 30/5/2021 dương lịch) ông A có vay của ông L số tiền 150.000.000 đồng, mục đích để làm ăn. Ông L đã đưa cho ông A 01 lần tiền mặt 150.000.000 đồng tại nhà ông A, không ai làm chứng, không lập văn bản. Khi vay tiền, ông A và ông L thỏa thuận lãi suất 6.000.000 đồng/tháng, ngày trả lãi là ngày 19 âm lịch hàng tháng, không thỏa thuận thời gian trả nhưng có thỏa thuận miệng khi nào ông L cần tiền báo trước cho ông A ba tháng. Trên thực tế, ông A đã trả lãi cho ông L đầy đủ từ ngày 19 tháng 5 năm 2021 đến ngày 09/10/2023 âm lịch là 2 năm 5 tháng. Tổng số tiền lãi mà ông A đã trả cho ông L là 174.000.000 đồng. Các lần ông A trả lãi cho ông L không lập giấy tờ, không ghi sổ, không nhắn tin qua lại, cũng không có người làm chứng nên ông A không cung cấp cho Tòa án.

Do không có khả năng trả lãi tiếp nên ông A chủ động làm văn bản viết tay có tiêu đề "Giấy mượn tiền" đề ngày 09/10/2023 âm lịch, đưa cho ông L để ông L yên tâm. Sau khi lập giấy viết tay ngày 09 tháng 10 năm 2023, ông A có nói với ông L ông A không trả lãi tiếp được và ông L im lặng không có ý kiến gì, cũng không thỏa thuận về thời hạn trả. Ông Bùi Quốc A thống nhất có vay của ông Lý Ngọc L số tiền 150.000.000 đồng và đồng ý trả cho ông L số tiền gốc 150.000.000 đồng nhưng không xác định thời hạn, cũng không đồng ý trả tiền lãi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2026/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Ngọc L đối với ông Bùi Quốc A.

Buộc ông Bùi Quốc A phải trả cho ông Lý Ngọc L số tiền 217.139.800 đồng (Hai trăm mười bảy triệu một trăm ba mươi chín nghìn tám trăm) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 07/01/2026, bị đơn ông Bùi Quốc A kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần số tiền lãi phải trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn ông Bùi Quốc A đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Ông L yêu cầu ông A trả nợ gốc 150 triệu đồng và tiền lãi tính từ ngày 09/10/2023 đến ngày 07/01/2026 (ngày xét xử sơ thẩm) với lãi suất 1,66%/tháng. Đồng thời, yêu cầu ông A tiếp tục trả lãi suất theo quy định của pháp luật sau khi xét xử sơ thẩm.

Toà án sơ thẩm buộc ông A trả cho ông L số tiền 217.139.800đ (gốc 150 triệu đồng, tiền lãi theo lãi suất 1,66% là 67.139.800đ).

Ông Bùi Quốc A kháng cáo yêu cầu giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lãi.

Xét thấy, giữa ông Lý Ngọc L và ông Bùi Quốc A đều thống nhất việc vay tài sản, theo đó ông A có vay của ông L số tiền gốc 150 triệu đồng, thời hạn vay không xác định. Các bên đều thừa nhận đến nay ông A chưa thanh toán số tiền gốc nêu trên. Do đó, có đủ cơ sở xác định giữa các bên đã phát sinh quan hệ hợp đồng vay tài sản và ông A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi không thanh toán theo yêu cầu của ông L.

Đối với yêu cầu tính lãi: Giấy mượn tiền đề ngày 09/10/2023 (âm lịch) không thể hiện thỏa thuận về lãi suất. Ông L cho rằng các bên có thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng, trong khi ông A trình bày mức lãi là 4%/tháng. Cả hai mức lãi suất mà các bên trình bày đều vượt quá mức lãi suất tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm, tương đương khoảng 1,666%/tháng). Mặt khác, các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cụ thể, rõ ràng về việc đã có thỏa thuận hợp pháp về lãi suất cũng như việc thực hiện nghĩa vụ trả lãi.

Ông A xác định đã trả lãi 4%/tháng của số tiền gốc 150 triệu đồng, tổng số tiền lãi 174 triệu đồng nhưng ông A không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc trả lãi 4%/tháng. Phía ông L cũng không thừa nhận nên không có căn cứ cho rằng ông A trả lãi vượt quá quy định của pháp luật.

Từ phân tích trên, có căn cứ xác định các bên có thỏa thuận về lãi suất tuy nhiên không xác định được lãi suất bao nhiêu, tại giấy mượn tiền đề ngày 09/10/2023 (âm lịch) không thể hiện thỏa thuận về lãi suất. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, áp dụng lãi suất 0,83%/tháng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông L với mức lãi suất 1,666%/tháng là không phù hợp theo quy định. Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của ông A về lãi suất.

Đề nghị: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông A. Căn cứ khoản 2 Điều 308

Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn Bùi Quốc A thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ông L yêu cầu ông A trả tiền vay. Tòa án cấp sơ thẩm xác định vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thụ lý giải quyết là đúng quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Hồ sơ vụ án thể hiện các tình tiết, sự kiện sau đây không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại bản tự khai và Biên bản hòa giải tại Tòa án bị đơn ông A thừa nhận có vay và còn nợ ông L số tiền 150.000.000 đồng nên đây được xem là tình tiết sự thật của vụ án, không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92, 93 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Quốc A, thấy rằng:

Ông A cho rằng: Ông A vay của ông L số tiền 150.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 6,000,000 đồng/tháng. Trên thực tế, ông A đã trả lãi cho ông L đầy đủ từ ngày 19 tháng 5 năm 2021 đến ngày 09/10/2023 âm lịch là 2 năm 5 tháng. Tổng số tiền lãi mà ông A đã trả cho ông L là 174.000.000 đồng. Do ông A trả lãi cho ông L nhiều hơn số tiền vốn vay nên không đồng ý tiếp tục trả lãi cho ông L nữa.

Ông L cho rằng: Hợp đồng vay giữa ông L và ông A chỉ thỏa thuận lãi suất là 2% và ông L chỉ nhận của ông A 01 vài lần tiền lãi. Sau đó ông A không trả lãi cho ông L nữa. Ông L xác định không có nhận tiền lãi do ông A trả với số tiền là 174.000.000 đồng như ông A trình bày.

Trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay ông A không cung cấp chứng cứ chứng minh là đã trả cho ông L số tiền lãi là 174.000.000đ nên lời trình bày trên của ông A là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Mặc dù nội dung Giấy mượn tiền ghi ngày 09/10/2023 do ông A viết không thể hiện lãi suất nhưng qua phân tích trên có cơ sở xác định ông L cho ông A vay tiền có thỏa thuận lãi suất và kể từ ngày ông A làm giấy mượn tiền ông L đến nay ông A không có trả lãi suất cho ông L nên ông L yêu cầu tính lãi suất của số tiền vay từ ngày 09/10/2023 theo lãi suất 1,666% là phù hợp.

[5] Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Quốc A; Chấp nhận một phần quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí phúc thẩm:

Căn cứ Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông A nên ông A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Quốc A.

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 08/2026/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự*;*

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Ngọc L đối với ông Bùi Quốc A.

1. Buộc ông Bùi Quốc A phải trả cho ông Lý Ngọc L số tiền 217.139.800 đồng (Hai trăm mười bảy triệu một trăm ba mươi chín nghìn tám trăm) đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Quốc A phải nộp 10.857.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Quốc A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000472 ngày ngày 01/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 7 – Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 7 – Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Phước Thanh